

Nghiên cứu ảnh hưởng của việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước đọc đối với kỹ năng đọc hiểu của sinh viên

Phạm Thị Nguyễn Thu*

*Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Received: 15/9/2024; Accepted: 23/9/2024; Published: 30/9/2024

Abstract: The article conducts an experiment to find out the effects of allocating time for pre-reading activities on students' reading comprehension skills, and find solutions to help students learn English in general and reading skills in particular more effectively, meeting the foreign language requirements of the Institute.

Keywords: Experiments, reading skills, pre-reading activities, same levels.

1. Đặt vấn đề

Đọc luôn là một kỹ năng (KN) quan trọng và cơ bản, trong đó nhận thức và hiểu của người đọc là rất cần thiết. Khi học một ngôn ngữ, khả năng hiểu văn bản (VB) và diễn giải một cách thích hợp là một quá trình đầy thử thách (Grabe & Stoller, 2002). Để giảm bớt quá trình này, trước khi đọc một VB, giảng viên (GV) ngoại ngữ sử dụng nhiều loại hoạt động trước khi đọc. Với sự trợ giúp của các hoạt động trước khi đọc, GV có thể kích hoạt kiến thức cơ bản của sinh viên (SV) về một chủ đề và cung cấp thông tin cơ bản về VB sẽ được đọc. Về mặt này, sẽ rất hữu ích nếu sử dụng các hoạt động trước khi đọc để hỗ trợ quá trình đọc một cách hiệu quả. Tuy nhiên, GV đôi khi có thể gặp khó khăn trong việc thực hiện cả hoạt động trước khi đọc và sau đó là hoạt động đọc trong cùng một tiết học một cách hiệu quả.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về hiệu quả của các hoạt động đọc trước đối với khả năng đọc hiểu của SV, nhưng chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu về ảnh hưởng của việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước khi đọc đối với khả năng đọc hiểu của SV trong học ngoại ngữ. Nghiên cứu này sẽ cung cấp bằng chứng thực nghiệm về ảnh hưởng đối với khả năng đọc hiểu của SV. Đồng thời cũng sẽ cho thấy thái độ của SV đối với việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước khi đọc. Qua đó giúp GV ngoại ngữ đưa ra kế hoạch khi sử dụng các hoạt động trước đọc trong lớp học để việc đọc hiểu của SV đạt hiệu quả cao hơn. Vì vậy việc nghiên cứu về việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước đọc đối với KN đọc hiểu của SV là quan trọng và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kỹ năng đọc hiểu

Widdowson (1984) cho rằng đọc hiểu là một quá

trình thu thập thông tin bằng phương tiện in ấn. Tuy nhiên, đối với một số nhà nghiên cứu, định nghĩa này có vẻ quá đơn giản vì họ tin rằng đọc là một quá trình phức tạp hơn. Từ quan điểm này, đọc hiểu được mô tả như một quá trình nhận thức, và tương tác trong đó người đọc, có mục đích và mục tiêu cụ thể trong đầu, hiểu, lĩnh hội và diễn giải một thông điệp ngôn ngữ viết do người viết đưa ra (Aebbersold & Field, 2003). Khả năng đạt được ý nghĩa từ VB viết thông qua tương tác và tham gia với ngôn ngữ viết cho một số mục đích được gọi là đọc hiểu. Việc hiểu một VB có thể khác nhau tùy thuộc vào mục đích đọc.

2.2. Mô hình quá trình đọc

Các nhà nghiên cứu đã phân chia đọc thành 3 ba dạng mô hình sau: đọc quy nạp, đọc diễn dịch và đọc tương tác.

- Trong mô hình quy nạp, còn gọi là mô hình dựa trên VB hoặc theo hướng dữ liệu, người đọc bắt đầu giải mã VB bằng đơn vị nhỏ nhất là các chữ cái hoặc các đặc điểm của chữ cái, sau đó tiếp tục với các từ, cụm từ và câu. Quá trình xây dựng VB với các đơn vị nhỏ nhất trở nên tự động đối với những người đọc thông thạo, nhưng lại là vấn đề đối với những người kém KN đọc hoặc đang phát triển vì họ cần phát triển khả năng ngôn ngữ của mình.

- Trong mô hình đọc diễn dịch, còn được gọi là mô hình của Goodman hoặc mô hình hướng đến người đọc, người đọc xử lý toàn bộ VB bằng cách sử dụng kiến thức nền, kỳ vọng và giả định của mình. Tuy nhiên, mô hình này cũng bị phê phán vì chỉ hoạt động tốt khi người đọc thông thạo và KN tốt, những người có thể giải mã VB một cách tự động, nhưng kém hiệu quả hơn với những người đọc kém thành thạo và đang phát triển.

- Mô hình tương tác nhấn mạnh rằng trong khi đọc một VB, người đọc sử dụng cả quá trình xử lý quy nạp và diễn dịch một cách tương tác hoặc đồng thời. Mô hình tương tác nhấn mạnh tầm quan trọng của cả những gì được viết ra, bằng cách bắt đầu giải mã từ đơn vị nhỏ nhất, và những gì người đọc đưa vào VB. Ưu điểm chính của mô hình tương tác là nó hướng sự chú ý của chúng ta đến cả KN quy nạp và diễn dịch đòi hỏi khả năng đọc trôi chảy và chính xác.

2.3. Bộ nhớ và quá trình đọc

Việc thực hiện quá trình đọc có quan hệ mật thiết với trí nhớ. Để hiểu được mối quan hệ giữa quá trình đọc và bộ nhớ, cần xác định các loại bộ nhớ liên quan đến quá trình này. Để bắt đầu, trí nhớ ngắn hạn đề cập đến bộ nhớ chứa một lượng nhỏ thông tin trong khoảng thời gian lên đến vài giây (Cook, 1991). Mặt khác, trí nhớ dài hạn là một loại trí nhớ có thể chứa một lượng lớn thông tin và tồn tại trong một khoảng thời gian dài, có thể là hàng chục năm. Kiến thức được lưu trữ trong trí nhớ dài hạn ảnh hưởng đến nhận thức của chúng ta về thế giới và ảnh hưởng đến thông tin nào trong môi trường mà chúng ta tham gia. Kiến thức nền tảng của chúng ta nằm trong trí nhớ dài hạn. Trí nhớ ngắn hạn thường được định nghĩa là một phần của trí nhớ dài hạn, và nó đề cập đến “thông tin được kích hoạt, hoặc được kích thích tinh thần, để lưu trữ và xử lý ngay lập tức” (Grabe & Stoller, 2002). Đó là hệ thống giữ thông tin ở trạng thái hoạt động để hỗ trợ xử lý trực tuyến và bao gồm việc xử lý và lưu trữ thông tin đồng thời.

2.4. Các giai đoạn của quá trình đọc hiểu

Khi dạy đọc, GV sử dụng nhiều loại hoạt động khác nhau và chia quá trình đọc thành ba giai đoạn:

- *Giai đoạn trước khi đọc:* Mục đích của GV là chuẩn bị cho SV về VB sẽ đọc nhằm thiết lập mục đích đọc một VB nhất định, kích hoạt kiến thức hiện có về chủ đề và do đó hiểu VB được nhiều hơn.

- *Giai đoạn trong khi đọc:* Mục đích của GV là khuyến khích SV tích cực khi đọc. SV được yêu cầu tuân theo thứ tự các ý trong VB, hiểu và suy luận thông tin trong VB, tự đặt câu hỏi, ghi chú về những điểm chính của VB. Trong quá trình đọc, SV sử dụng cả chiến lược quy nạp và diễn dịch.

- *Giai đoạn sau khi đọc:* GV đánh giá mức độ hiểu VB của người đọc hoặc tiếp tục xây dựng khả năng hiểu của họ bằng cách sử dụng các hoạt động yêu cầu người đọc suy nghĩ về các ý chính, chia sẻ ý kiến để có thêm thông tin và tạo mối liên hệ giữa

thông tin mới học được và kiến thức trước đó.

2.5. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện dưới dạng thực nghiệm trong vòng 4 tuần. Trước thực nghiệm cả 4 nhóm (nhóm 3, 4, 31, 32) đang học Course 1 (Trình độ Basic 3 và Intermediate 1) cùng tham gia làm bài kiểm tra và mỗi lớp sẽ chọn ra 1 số SV có kết quả tương đương nhau. Sau 4 tuần SV tham gia trả lời phỏng vấn. Kết quả của bài kiểm tra và phân phỏng vấn được thu thập, tổng hợp và phân tích để từ đó đưa ra một số giải pháp giúp SV học KN đọc tốt hơn.

2.6. Phân tích kết quả thu thập được từ thực nghiệm

2.6.1. So sánh trong các nhóm với khoảng thời gian phân bố cho các hoạt động trước đọc khác nhau

Khi kiểm tra giá trị trung bình của mỗi nhóm, có vẻ như tất cả các nhóm ngoại trừ nhóm 4 với một sự khác biệt nhỏ đã làm tốt hơn khi nhận được các hoạt động đọc trước ngay trước khi đọc bài đọc so với khi nhận được một ngày trước khi đọc bài đọc. Để so sánh kết quả của từng lớp trong từng điều kiện. Điểm kiểm tra của nhóm 4 cho cả hai bài đọc cho thấy không có sự khác biệt đáng kể khi họ nhận các hoạt động đọc trước một ngày trước khi đọc bài đọc A so với khi họ nhận các hoạt động đọc trước ngay trước khi đọc bài đọc B. Tuy nhiên, đối với nhóm 3, kết quả bài kiểm tra cho thấy có sự khác biệt đáng kể giữa điểm số của SV đối với bài đọc A và bài đọc B. Khi SV nhận được các hoạt động đọc trước ngay trước khi đọc bài đọc A, điểm số cao hơn so với khi nhận được các hoạt động trước khi đọc một ngày trước khi đọc bài đọc B.

Những kết quả này đã chỉ ra rằng, đối với bài đọc A, khi SV nhận được các hoạt động đọc trước ngay trước khi đọc VB, họ đã thực hiện bài kiểm tra sau tốt hơn so với khi họ nhận được các hoạt động trước khi đọc một ngày trước đó. Tuy nhiên, đối với bài đọc B, kết luận này không thể đưa ra cho tất cả các nhóm. Ba trong số 4 nhóm đã làm tốt hơn khi SV được thực hiện các hoạt động trước khi đọc trước khi đọc bài đọc B so với khi SV được giao các hoạt động trước khi đọc một ngày trước đó. Nhóm không cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các bài đọc là nhóm 4 đã nhận được các hoạt động trước khi đọc ngay trước khi đọc bài đọc B và một ngày trước khi đọc bài đọc A. Ngược lại với các nhóm nhận được các hoạt động trước đọc ngay trước khi đọc bài đọc lại đạt điểm cao hơn, nhóm 4 không đạt điểm cao hơn khi họ nhận được các hoạt động đọc trước ngay trước khi đọc bài

đọc B. Có thể nói rằng, đối với nhóm này, việc cung cấp các hoạt động đọc trước trước 1 ngày hiệu quả hơn đối VB khó hơn (bài đọc B).

2.6.2. Thái độ của SV đối với việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước đọc

Câu hỏi nghiên cứu thứ hai, liên quan đến thái độ của SV về việc phân bổ thời gian cho các hoạt động trước khi đọc, đã được thể hiện thông qua các cuộc phỏng vấn với 8 SV của 4 nhóm. Các cuộc phỏng vấn cho thấy các SV có thái độ trái ngược nhau. Trong khi 3 SV nghĩ rằng thực hiện các hoạt động đọc trước một ngày trước đó sẽ tốt hơn cho việc đọc hiểu bài đọc, thì 4 SV nghĩ rằng thực hiện đọc trước ngay trước khi đọc bài đọc sẽ tốt hơn cho việc hiểu. SV còn lại cho thấy thời gian của các hoạt động trước khi đọc phụ thuộc vào chủ đề của bài đọc và nói thêm rằng thực hiện các hoạt động trước khi đọc một ngày trước khi đọc bài đọc sẽ có lợi nếu có thể thêm nhận xét cá nhân vào phần tóm tắt.

2.7. Khuyến nghị

Nghiên cứu trên cho thấy một phương pháp giảng dạy duy nhất có thể không phù hợp với nhu cầu của tất cả người học (Lightbown & Spada, 2006). Để tránh sự không phù hợp giữa phong cách học tập và sở thích của SV với phương pháp giảng dạy, các phương pháp khác nhau nên được sử dụng thay vì một phương pháp duy nhất.

Dưới đây là một số các hoạt động trước đọc mà GV có thể sử dụng trong lớp dạy và học KN đọc, giúp SV có thể cải thiện KN đọc tốt hơn.

- Hỏi và trả lời nhanh: GV có thể chuẩn bị một hoặc hai câu hỏi đơn giản liên quan đến chủ đề bài đọc. Yêu cầu lớp xếp thành hai hàng đối diện nhau. Sau đó, khuyến khích SV đặt câu hỏi cho nhau và SV chỉ có 60 giây để hỏi. Sau khi hết 60 giây, một trong các hàng sẽ quay để mỗi người học có một đối tác mới. Lặp lại quá trình nhiều lần.

- Thảo luận: Khuyến khích SV thảo luận về chủ đề của bài đọc. Chuẩn bị 4 hoặc 5 câu với nhiều ý kiến khác nhau liên quan đến bài đọc.

- Động não: Lớp suy nghĩ về các ý tưởng liên quan đến chủ đề bài đọc. Sau đó sắp xếp ý tưởng và hình thành câu và chia sẻ ý tưởng của mình với những SV khác.

- Sử dụng hình ảnh để đoán nội dung bài đọc.

- Đoán chủ đề bài đọc từ các cụm từ cho trước: Trước khi SV nhìn vào đoạn văn sắp đọc, GV viết 5 hoặc 6 từ trong đoạn văn lên bảng và yêu cầu SV

đoán chủ đề.

- Kể chuyện: Chuẩn bị một câu chuyện ngắn được cá nhân hóa về điều gì đó liên quan đến chủ đề bài đọc. SV có thể sáng tạo với câu chuyện của mình và không nhất thiết phải chính xác 100% đối với điều gì đó thực sự đã xảy ra với mình.

- Từ điển: Chọn một số từ khóa trong VB. Chia lớp thành 2 hoặc 3 nhóm. Lần lượt mỗi SV của mỗi nhóm (đồng thời) lên bảng phải vẽ từ đó, không sử dụng chữ cái hoặc số trong bản vẽ của mình. Các SV khác cố gắng đoán từ và ghi điểm cho đội của mình.

- Giới thiệu phần từ mới: Trong các lớp học ngoại ngữ, việc giới thiệu các từ vựng mới luôn là điều quan trọng để SV không bị nản lòng trước những từ chưa biết trong khi đọc.

- Video: Hiện nay có rất nhiều nội dung miễn phí tốt. Trước hết, GV có thể tìm một đoạn video ngắn khoảng 3 phút liên quan đến chủ đề bài đọc. Sau đó chuẩn bị một số câu hỏi thảo luận đơn giản. Phát video cho SV xem và sau đó yêu cầu SV thảo luận với một bạn khác về những gì đã xem.

3. Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy khi các hoạt động trước khi đọc được thực hiện ngay trước khi đọc VB, SV thực hiện bài kiểm tra sau tốt hơn so với khi các hoạt động trước khi đọc được thực hiện một ngày trước khi đọc VB. Ngoài ra, các cuộc phỏng vấn đã chứng minh rằng thái độ của SV về thời gian của các hoạt động trước khi đọc là khác nhau và chỉ ra rằng SV có sở thích và phong cách học tập khác nhau, thể hiện qua những phản ứng khác nhau của họ đối với các thay đổi trong phương pháp giảng dạy. Do đó GV nên sử dụng các phương pháp khác nhau thay vì một phương pháp duy nhất cùng với các hoạt động trước đọc đa dạng để giúp SV nâng cao được KN đọc hiểu của mình.

Tài liệu tham khảo

[1]. Anderson, N. (1999). *Exploring second language reading*. Toronto: Heinle & Heinle Publishers.

[2]. Grabe, W., & Stoller, F. L. (2002). *Teaching and researching reading*. London: Pearson Education.

[3]. Lightbown, P. M. & Spada, N. (2006). *How languages are learned*. Oxford: Oxford University Press.

[4]. Widdowson, H. G. (1984). *Reading and communication*. In A. J. C. & A. H.